

Phụ lục VI
CÁCH XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ BỒI THƯỜNG, GIẢM TUỔI THỌ CÔNG TRÌNH

$$G_{\text{bồi thường}} = G_{\text{sửa chữa}} + G_{\text{đền bù giảm tuổi thọ}}$$

Trong đó:

- $G_{\text{sửa chữa}}$ = Giá trị xây dựng sửa chữa công trình bị thiệt hại.

(Chính là kinh phí dự toán sửa chữa hợp lý).

- $G_{\text{đền bù giảm tuổi thọ}} = G_{\text{trước XDCT}} - (\text{trừ}) G_{\text{sau XDCT}}$

+ $G_{\text{trước XDCT}} = G_{\text{XD mới}} \times (\text{nhân}) (1 - (\text{trừ}) \text{số năm sử dụng/số năm tuổi thọ theo quy định})$.

+ $G_{\text{sau XDCT}} = G_{\text{trước XDCT}} \times (\text{nhân}) (1 - (\text{trừ}) G_{\text{sửa chữa}}/G_{\text{XD mới}})$.

$G_{\text{trước XDCT}}$: Là giá trị còn lại của công trình, vật kiến trúc tại thời điểm chưa bị hư hỏng.

$G_{\text{sau XDCT}}$: Là giá trị của công trình sau khi đã sửa chữa khắc phục phần hư hỏng.

$G_{\text{XD mới}}$: Là giá trị xây dựng mới của công trình theo đơn giá quy định trong biểu. Số năm sử dụng: tính từ năm hoàn thành công trình tới thời điểm đền bù.

Số năm tuổi thọ theo quy định: Là số năm công trình tồn tại đã khấu hao hết theo Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định.

Trích dẫn một số loại hạng mục như sau:

+ Nhà cấp IV: Tuổi thọ 15 năm.

+ Nhà cấp III: Tuổi thọ 25 năm.

+ Nhà cấp 2: Tuổi thọ 50 năm.

+ Nhà cấp I, đặc biệt: Tuổi thọ 80 năm.

+ Kho chứa, bể chứa, cầu đường, bãi đỗ, sân phơi: Tuổi thọ 20 năm.

+ Các vật kiến trúc khác: Tuổi thọ 10 năm./.